

# TÁN TƯỚNG QUÂN SỰ LÊ MÔ KHỞI (1836-1895)

VĨNH NGUYỄN

Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Huế

Lịch sử trăm năm Trịnh - Nguyễn phân tranh và lấy sông Gianh làm giới tuyến là nói đúng theo sử sách, tức là việc phải có một ranh giới để làm cương vực cho hai thế lực là điều không phải bàn cãi.

Theo nhiều nhà nghiên cứu lý luận quân sự cũng như lịch sử về cuộc phân tranh này thì thực tế quân Nguyễn không có bố phòng gì ở phía bờ Nam con sông này. Bởi ở đây sông rộng mênh mang và rất trống trải.

Phòng tuyến của quân Nguyễn lùi vào núi Lệ Đệ, Trại Nái (Ba Trại) đến đèo Lý Hòa bởi những nơi này dựa thế núi non sông suối hiểm trở mới đặt đồn trú, phòng thủ. Khi quân Trịnh vượt sông tấn công thì quân Nguyễn giả vờ rút cho đến khi biết quân Trịnh đã sang sông thì lập tức trở lại mở cửa ải “ỷ dốc”, thúc các cánh quân từ trên các sườn núi tràn xuống. Các dòng hói ngoằn ngoèo, uốn lượn trước làng Cao Lao Hạ còn gọi Cửa Khúc Long Khê làm quân Trịnh bao phen phải tấp trong bùn. Tiến lên không được, lùi thì gặp bùn lầy và sông Gianh rộng mênh mang nước xiết, quân Trịnh phải bỏ mạng trước rừng tên và giáo phóng của quân Nguyễn.

Sinh ra và lớn lên ở đây nên Lê Mô Khởi thuộc từng hang hóc suối khe như đi trong lòng bàn tay. Vì vậy, khi làm tướng, Lê Mô Khởi chọn núi Lệ Đệ, Ba Trại hiểm yếu làm nơi tụ nghĩa, rèn luyện quân binh để chống giặc ngoại xâm, phò vua cứu nước.

Lê Mô Khởi, người làng Cao Lao Hạ, nay là xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông còn có tên là Lê Tuấn và Lê Ngọc Thành.

Cụ thân sinh là ông Lê Văn Giản, đỗ Cử nhân khoa Nhâm Thìn, triều vua Thiệu Trị thứ hai (1842), làm một chức quan nhỏ (tri huyện) nhưng nổi tiếng thanh liêm.

Lê Mô Khởi hồi nhỏ học với bố. Năm 15 tuổi đã thông thạo thi, thư, văn, truyện, kinh phú. Đi thi lấy tên là Lê Ngọc Thành, đỗ Cử nhân khoa Tân Dậu, triều Tự Đức thứ 14 (1861). Ra làm quan mới lấy tên Lê Mô Khởi.

Lúc đầu được bổ đi trị nhiệm ở các phủ huyện tỉnh Bình Định, sau về chấm thi trường thi tỉnh Thanh Hóa, rồi Án sát tỉnh Hải Dương. Lúc ông ở Hải Dương là lúc tình hình đất nước đang gặp rất nhiều khó khăn.

Ngoài Bắc thì thổ phỉ người Hán tràn qua biên giới cướp phá các tỉnh giáp

ranh Trung Quốc, thường gọi là giặc cờ đen, cờ vàng, đồng thời người Pháp cũng bắt đầu xâm nhập nhiều nơi trên đất Bắc Kỳ. Ở trong triều thì lục đục, nay truất vua này mai truất vua khác, đường lối chiến hay hòa chưa xác định, quân tướng ở Bắc thì bị triều đình nay triệu hồi, mai bãi binh...

Dưới sức ép của người Pháp, ở Bắc Kỳ có hàng trăm quan trường bị giáng chức và triệu về kinh đợi xét xử, trong đó có cả Lê Mô Khởi.

Khi Lê Mô Khởi về Huế đợi lệnh, may có Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường thấy ông là người biết lo việc nước, việc dân nên đã điều ông trở lại Hải Dương lĩnh nhiệm vụ Bộ chính.

Nhưng đồng thời, ở quê hương, mẹ ông mất, ông phải cáo quan về cử tang mẹ. Sống ở quê nhà, ông đã góp phần cùng với các trưởng lão trong làng xây dựng cho nhân dân có cơm no, áo ấm, con em có học có hành. Chính ông cũng mở trường dạy học, cùng bà con mở đường xá nông thôn. Do đó, làng Cao Lao Hạ lúc bấy giờ đã làm được hai trục đường chính, lại có đường nối với các làng khác, thông thương ra khắp vùng.

Người làng Cao Lao Hạ rất quý mến ông. Khi nói đến tên ông, người ta thường nói chệch đi, chẳng hạn như Khởi thì nói là Khải, chữ Tuấn nói ra chữ Tón, Thành ra Thiêng.

Trong lúc ông đang dạy học và chăm lo kiến thiết hương thôn cùng bà con làng xóm thì một biến cố lớn của đất nước đã làm chấn động toàn dân, đó là vụ Kinh thành bị thất thủ.

Đêm 22 rạng sáng ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu (05/7/1885), đại thần Tôn Thất Thuyết chủ động tấn công quân Pháp ở Huế bị thất bại. Ông phải hộ giá vua Hàm Nghi xuất bôn ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, nhà vua hạ chiếu Cần Vương lần thứ nhất, kêu gọi toàn dân giúp vua, đánh quân xâm lược Pháp cứu nước.

Sau khi Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên Tân Sở để ra Bắc, De Courcy, Tổng Tư lệnh Pháp đã phái một lữ đoàn bộ binh cùng 5 tàu chiến, đánh chiếm ngay Động Hải (Đông Hới) và cửa biển Nhật Lệ nhằm bít đường ra Bắc của nhà vua.

Ngày 19 tháng 7 năm 1885, quân Pháp lên Động Hải. Cùng lúc, quân Pháp cũng tiến hành một cuộc hành quân theo đường biển từ Ninh Bình đánh vào. Qua các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, lực lượng tảo thanh này càn quét, đánh phá các sơn phòng của các tỉnh cũng như tiến công các tỉnh lỵ.

Có lẽ do các mũi tiến công này của quân Pháp nên ở Tân Sở, Tôn Thất Thuyết không thể đưa vua Hàm Nghi ra Bắc theo đường thiên lý được mà phải đưa nhà vua ngược lên Mai Lĩnh, Lao Bảo, theo đường núi Trường Sơn, băng

qua Lào, đến đèo Quy Hợp rồi về Sơn phòng Hà Tĩnh và vào đóng đại bản doanh tại vùng núi huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa.

Vậy là trải qua 27 năm, kể từ khi tiếng súng xâm lược nổ ra ở cửa biển Đà Nẵng ngày 1 tháng 9 năm 1858, chiến tranh đã lan đến tỉnh Quảng Bình và vùng đất đầy núi non hiểm trở của miền Tây huyện Tuyên Hoá, Minh Hóa và trở thành kinh đô Cần Vương của triều đình Hàm Nghi, phát cao ngọn cờ cứu nước.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, Lê Mô Khởi ở Cao Lao Hạ, cùng đám học sinh đang học với ông đua nhau đi tìm tờ chiếu Cần Vương để xem thì bỗng có một người của Lê Trực ở Thanh Thủy đưa tới cho ông một bức thư, trong đó có cả tờ chiếu mà ông đang nóng lòng chờ đợi.

Chưa đọc thư vội, Lê Mô Khởi đọc ngay tờ chiếu, trong đó có đoạn: "...Bách quan, khanh sĩ, không kể lớn nhỏ, tất không bỏ xa trầm. Kẻ trí hiền mưu kế, người dũng hiến sức lực, kẻ giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào, đồng trạch chẳng từ gian hiểm như thế mới phải chứ... Cứu nguy, giúp đỡ, mở chỗ nguy khôn, giúp nơi bức bách đều không tiếc gì tâm lực, ngỏ hầu lòng trời giúp thuận, chuyên loạn thành trị, chuyên nguy thành an, thu lại bờ cõi, chính là cơ hội này! Phúc cho tôn xã là phúc của thân dân!...

...Cùng lo với nhau rồi nghỉ với nhau, há chẳng tốt lắm ru!...Ai ai cũng phải tham gia công việc, nghiên răng, dựng tóc, thề giết tan giặc".<sup>1</sup>

Sau khi đọc to tờ chiếu cho môn sinh, Lê Mô Khởi tiếp tục đọc bức thư của Lê Trực gửi cho ông cho đám học trò cùng nghe:

Cùng Lê đại nhân!

Tờ chiếu Cần Vương này chắc đại nhân đã đọc. Cái tình cảnh của nhà vua ra làm sao, cái vận mạng của nước nhà ra làm sao, đọc tờ chiếu chắc đại nhân đã rõ.

Lão già từ ngày bị triệt hồi, tháng ngày chỉ ăn chơi bên lèn núi Thanh Thủy, uống rượu lại uống rượu, cưỡi ngựa lại cưỡi ngựa, thời cuộc ra làm sao, lão già nào được rõ? Lão già nay lưng đã hơi còng, răng đã rụng hết một phần, lão già còn làm gì được và biết làm gì được nữa.

Nhưng khi đọc tờ chiếu ấy thì lão già thấy trẻ lại. Lòng băng khuâng sôi nổi như thời niên thiếu. Cái kẻ làm tôi đã từng ăn cơm nhà vua, sống trong đất nước nhà vua, đã chịu ân huệ của nhà vua, há lúc nghe tiếng gọi tha thiết của nhà vua trong cơn loạn lạc, nỡ bịt tai lại mà ra chôn non xa ngòi uống rượu hay sao?

Lão già là một kẻ võ biên, chữ nghĩa không được mấy, lão già đâu dám lấy cái nghĩa tôn quân ra mà nói cùng đại nhân!

Đại nhân là người đã học hết thánh hiền chắc cũng liệu lấy một khâu xử trí. Đại nhân hãy phốc lên mình ngựa, thức tỉnh sĩ phu dậy! Lão đây sẽ quên sức già mà chạy theo đuôi ngựa của đại nhân.

Ký tên: Lê Trục

Hưởng ứng chiếu Cần Vương và lời động viên của người bạn cùng chí hướng Lê Trục, Lê Mô Khởi đứng ra kêu gọi nhân dân, trước hết là người Cao Lao Hạ, rồi đến các làng trong vùng sông Sơn, hạ lưu sông Gianh, họp thành đội nghĩa quân, lấy làng Cao Lao Hạ làm chỗ xây dựng đầu tiên.

Rất nhiều trang thanh niên, võ sĩ, nhiều cai cơ, quan võ trong hàng ngũ quân đội triều đình trước đây bị bãi binh đuổi về giờ đã đến tụ nghĩa. Trong đó có các ông Cử Chương (Lê Quang Chương, cử nhân võ) là người có sức khoẻ phi thường, được gọi là ông “Quyền cử”, ông Lê Văn Ngôn, Lê Văn Giã, Lê Quang Chánh...

Nhân dân trong vùng nguồn Sơn và hạ lưu sông Gianh hưởng về nghĩa quân Lê Mô Khởi, đóng góp rất nhiều công sức, tiền của, lúa gạo, không hề tiếc một thứ gì. Không những giúp đỡ bằng vật chất theo mùa vụ, theo hiện hữu trước mắt mà nhân dân còn giúp nghĩa quân khai phá ruộng đất trồng trọt, cấy lúa chung quanh vùng căn cứ Trại Nái, là nơi nghĩa quân Lê Mô Khởi đóng đại bản doanh, để tính kế lâu dài.

Chỉ trong hai tháng, lực lượng nghĩa quân đã hình thành cơ ngũ, quân số đã lên đến 500 người và một bộ chỉ huy gồm nhiều lãnh binh, suất đội, võ sư tài giỏi.

Hương sử Cao Lao đã từng viết:

(...) “Lê Mô (Khởi) Án sát phủ Thừa

Pháp binh hòa ước đánh lừa dân ta

Đình Phùng (Phan Đình Phùng) truyền hịch đưa ra

Tức thì treo ấn tham gia lên đường

Về làng hoạt động Cần Vương

Bình Tây sát tả cờ trương khắp vùng (...)

Thông qua danh hiệp võ quan

Có ông đề đốc Lê Quang..., Nguyễn Trào

Đương khi gặp Pháp ào ào

Chỉnh tề binh ngũ tiến vào kinh đô

Chẳng nề đường xá bao xa

Võ khoa “quyền cửu” cũng ra ứng tòng  
Lãnh Hòa, Lãnh Niệm hai ông  
Xuất thân võ cử tưng bừng nổi danh  
Hàm Nghi một chiếu xuất thành  
Tức thì vâng lệnh hi sinh chống thù  
Minh Cầm, Quy Đạt, chiến khu  
Đồng Lê, Thanh Lạng, sách trừ mộ binh  
Đội quân Võ Giả, đội Quyền  
Cùng tay chống giặc bạo quyền ngoại xâm” (...)

Lúc đầu, nghĩa quân còn đóng ở làng Cao Lao Hạ. Nhà ở của Lê Mô Khởi là trụ sở của bộ chỉ huy. Sân đình và đình làng là nơi huấn luyện và hội quân. Nghĩa quân chia nhau thành hai cánh đóng trong làng.

Thời kỳ này cũng là thời kỳ người Pháp đã chiếm đóng gần khắp nơi trong tỉnh. Tại Bồ Trạch, Quảng Trạch, họ đã đóng đồn Hoàn Lão (huyện lỵ Bồ Trạch), Thanh Khê, Mỹ Hòa, Thuận Bài, Ba Đồn, Roòn, và xa hơn, lên đến Tuyên Hóa, đồn đầu tiên là Minh Cầm, Đồng Lê, Thanh Lạng...

Song song với các cuộc hành quân đuổi bắt Hàm Nghi của quân đội viễn chinh Pháp vào cuối năm 1885 và đầu năm 1886 tại miền Tây Tuyên Hóa (lúc bấy giờ) không mang lại kết quả mà còn bị hao binh tổn tướng. Quan ba Hugot bị trúng tên độc của Trương Quang Ngọc tại đèo Lập Cập (Quy Đạt) về đến Vinh thì chết; Quan hai Cannus chết tại trận khi đánh vào cứ điểm Khe Ve... Các đoàn quân danh tiếng như quân đoàn Pelletier, quân đội Plegnot, quân đoàn Metzinger, với các đội quân xung kích sừng sỏ nhất của Borune, quân châu Phi của Sajot, của Beudart, của đại tá Olive là đội thủy quân lục chiến cự phách... ồ ạt tiến vào thượng nguồn Khe Ve, Khe Giới... cũng vô hiệu, đều phải rút về. Trong khi đó, các cánh quân chiếm đóng các đồn bốt địa phương ở vùng hạ lưu sông Gianh bắt đầu tiến đánh vào Cao Lao Hạ, hòng tiêu diệt nghĩa quân Lê Mô Khởi từ trong trứng nước.

Đêm ấy, Lê Mô Khởi đang ngồi đọc binh thư đồ trận thì gác canh bờ sông vào báo:

- Quân Tây từ Ba Đồn, đi thuyền theo sông Gianh đang tiến vào làng ta.

Theo lệnh của Lê Mô Khởi, toàn thể người trong làng, theo kế hoạch đã từng luyện tập, ai nấy vào vị trí của mình.

Các đội võ trang lập tức tề tựu tại sân đình đợi lệnh. Lê Mô Khởi trong bộ áo giáp luôn sẵn sàng xung trận, đồng dục ra lệnh:

- Ông Lê Diệt, dẫn cánh quân thứ nhất ra mai phục tại rừng Sác ven con

đường đình xóm 7.

- Tôi, Lê Mô Khởi, trực tiếp đem cánh quân thứ hai phục kích tại rừng Sác ven con đường đình xóm 14.

- Tất cả phải chờ địch lọt vào trận địa mới được đánh, không được vội vã. Phải đánh thắng trận đầu này để làm cho bọn cướp nước biết sĩ khí của quân và dân ta.

- Các cánh quân khác lo bảo vệ khu vực dân làng sơ tán, đặc biệt là không để địch bắt trẻ con, phụ nữ và giết hại người già.

Sau giây phút truyền lệnh, làng xóm trở lại yên tĩnh, không có một tiếng động. Quân giặc từ bờ sông Gianh thấy không có gì đáng ngờ, ngang nhiên gọi nhau, kéo đàn kéo lũ, chia làm hai toán, nối chân nhau vào làng như vào chỗ không người.

Thật không may cho quân giặc, chúng tự đâm đầu vào hai ổ phục kích của hai đạo quân Lê Mô Khởi. Thế là một trận giáp lá cà bằng dao kiếm và võ nghệ đã chiến thắng đội quân xâm lược có đủ súng ống ngay tại rừng Sác trên mảnh đất Cao Lao lịch sử. Quân địch còn sống sót không kịp ra bờ sông lấy thuyền về mà mạnh tên nào tên ấy chạy bộ theo bờ sông tìm đường về Thanh Khê cầu cứu.

Ngày hôm sau, quân Pháp từ đồn Thanh Khê (còn gọi là Quảng Khê) kéo về Cao Lao Hạ quyết tâm trả thù trận đêm qua. Nhưng nhân dân và lực lượng vũ trang của nghĩa quân, biết trước thế nào giặc cũng báo thù, đã tản cư cả vào rừng, để vườn không nhà trống.

Bọn lính Pháp không tìm thấy được nghĩa quân nào, lòng lộn lên, châm lửa đốt nhà dân, cướp bóc gặt lộn rồi về.

Bộ chỉ huy quân khởi nghĩa do Lê Mô Khởi làm chủ tướng họp bàn và quyết định dời căn cứ núi Lệ Đệ về Trại Nái để chiến đấu lâu dài. Trại Nái (ngày nay gọi là Ba Trại) thời ấy là một vùng đồi núi cao, rừng rậm ở phía Nam làng Cao Lao Hạ. Từ sông Son (phía Tây) đi đến Trại Nái cũng gần bằng từ Trại Nái về Cao Lao Hạ, hoặc cũng bằng từ Trại Nái đi xuống phía Nam để đến làng Cự Năm, Hạ Môn. Phía Bắc Trại Nái có dãy núi cao 224m, án ngữ trước mặt làng Cao Hạ. Ở đó cho phép nghĩa quân xây dựng một “đài quan sát” nhìn rõ ra tận sông Gianh và cửa biển sông Gianh, cho phép thấy được các cuộc hành quân quy mô của quân Pháp ở Quảng Khê và trên đường thiên lý, đoạn qua phà Quảng Khê. Người làng Cao Lao hiện nay còn kể thời ấy, Lê Mô Khởi đã dựng một cột cờ Cần Vương trên ngọn núi này, nên về sau người ta đặt tên cho ngọn núi là núi Chóp Cờ, người nho học thì gọi là Kỳ Sơn.

Phía Đông Trại Nái là cả một sơn hệ núi Hòn Bung cao 232m liên tiếp giăng dày như một thứ trường thành bất tận, che chắn một phía trời Đông, an

toàn cho căn cứ. Phía Tây Trại Nái cũng là một dãy núi đồi rừng rậm bao vây, có ngọn cao đến 166m. Vượt qua dãy đồi núi ấy là cao nguyên Ngân Sơn, có những làng Phù Kinh, Phù Mỹ...

Ở thời đại đó, chọn một địa điểm như Trại Nái, xét về quân sự, về kỹ thuật tác chiến bằng giáo mác, đi chân đất, ứng dụng chiến thuật du kích, đánh mai phục là chủ yếu, thì đó cũng là một vị trí khá thích hợp.

Ngày nay, khi có những con đường tỉnh lộ chạy xuyên qua trung tâm Ba Trại, những con đường 15A, đường sắt xuyên Việt, kẹp hai bên Trại Nái, giúp cho nó xuyên được với nhiều điểm trên các nhánh đường chiến lược Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng chứng minh được vị trí quân sự của Ba Trại. Vì thế, Trại Nái thời Lê Mô Khởi không thể nói là không có giá trị.

Thật vậy, chiếm lĩnh Trại Nái, quân Lê Mô Khởi luôn là sự cản trở của quân Pháp mỗi khi họ hành quân lên vùng sông Son. Nhờ các điểm cao của núi rừng, quân Trại Nái giữ được thế chủ động.

Trong quá trình chiến đấu và xây dựng căn cứ Trại Nái, ông còn biết vận động các làng mạc xung quanh khu vực. Các làng Phù Kinh, Phù Mỹ, Hà Môn, Cự Nẫm, Bò Khê, Đãng Đề... làm tai mắt cho nghĩa quân mỗi khi có động tĩnh.

Về vấn đề lương thực, ông còn lo khai thác ruộng đất, biến Trại Nái hoang vu thành một vùng đất màu mỡ, tự túc một phần quân lương, bớt gánh nặng đóng góp cho nhân dân.

Như phần đầu đã nói, Lê Mô Khởi với Lê Trực là hai người bạn tri kỷ, tuy một bên là quan văn, một bên là quan võ, nhưng rất tâm đắc nhau về mặt trung quân ái quốc. Và ngày mà Lê Trực ở Thanh Thủy đứng lên theo tiếng gọi Cần Vương cũng là ngày Lê Mô Khởi theo thư của Lê Trực mà “lên ngựa cầm gươm”.

Vì thế, trong thời gian dựng cờ khởi nghĩa ở Trại Nái, Lê Mô Khởi luôn phối hợp với quân Lê Trực, tổ chức những trận đánh hợp đồng vào đồn Hoàn Lão, vào thành Động Hải, đã làm cho quân Pháp đóng ở Đồn Hới phải nhiều lần cáo cấp và xin cầu viện ở Huế ra tăng cường giữ thành. Hoặc những trận đánh hợp đồng trên tuyến đường thiên lý (nay là Quốc lộ 1A) ở Hoàn Lão, Lý Hòa, Khe Nước gần Quảng Khê làm cho sự tiếp tế giữa các đồn binh Pháp từ Đồn Hới đi Ba Đồn gặp khó khăn, buộc chúng phải hao binh tổn tướng để hộ tống các đoàn chuyển vận.

Tháng Chạp năm Bính Tuất, tức đầu năm 1887, có người đem đến cho ông một bức thư của Lê Trực ở Thanh Thủy. Đại ý bức thư là Lê Trực sẽ đem quân Thanh Thủy xuống giải phóng Ba Đồn, tiếp xuống giải phóng Mỹ Hòa; Hẹn

Lê Mô Khởi đem quân Trại Nái xuống giải phóng đồn Quảng Khê. Sau khi đánh được các đồn nói trên sẽ hội quân ở Quảng Khê, bàn luận tiến thẳng vào Hoàn Lão và Đồng Hới.

Nhưng qua việc quan sát người đưa thư, Lưu Diệt mật bàn với Lê Mô Khởi:

- Bẩm chủ tướng, tôi nghi người đưa thư không phải là quân của tướng quân Lê Trực.

Mở thư ra, lật qua lật lại, nhận xét kỹ nét chữ, Mô Khởi cau mày:

- Đây đúng là nét chữ cụ Đề mà!

Nhưng một linh tính vụt đến với ông. Ông liền nói thầm với Lê Diệt:

- Nếu tướng quân đã nghi thì ta tương kế tựu kế... thế này... thế này. Đoạn ông cầm bút phê vào thư như tín hiệu phúc đáp: Xin y hẹn.

Chờ người đưa thư về, ông gọi người liên lạc hàng ngày đi Thanh Thủy đến dặn dò, tìm con đường tắt, nhanh chóng báo cáo với cụ Đề Trực biết tình hình vừa rồi và đề nghị với cụ Đề một là hủy bỏ kế hoạch, hai là nếu hành động thì phải hành động trước y hẹn để giặc không kịp phòng bị.

Nhưng thực tế, không phải địch muốn “cắt vó” hai cánh quân của hai ông mà chúng chỉ cần biết con đường ra vào Trại Nái là chúng có thể tung ra một lực lượng đánh mạnh vào sào huyệt quân Cần Vương Lê Mô Khởi.

Sở dĩ kẻ địch luôn luôn muốn nhỏ cho kỳ được vị trí Trại Nái vì đây là vị trí vừa là yết hầu vừa là chấn đuôi của con đường thủy, nơi hành quân tiện lợi nhất của họ mỗi khi hành quân từ Quảng Khê lên Minh Cầm để đánh sâu vào Đồng Lê, Quy Đạt.

Đã bao nhiêu lần, cánh quân này khi thì bị Trại Nái đón đầu cản trở, khi thì bị bít đường rút lui, phải vớt bỏ thuyền bè mà lên bộ chạy thực mạng, bởi vì, không một động tĩnh nào của quân giặc đóng tại Quảng Khê và Hoàn Lão mà tướng quân Lê Mô Khởi ở Trại Nái không biết.

Thế mà lần này, cái yêu cầu tối thiểu của quân giặc đã đạt được. Thông qua tên gián điệp trá hàng đưa thư, người Pháp đã biết đường ra vào Trại Nái. Ngay hôm sau, họ chủ động tổng công kích vào Trại Nái, không đợi đến hai cuộc hành quân của hai ông thành hiện thực.

Bị đánh bất ngờ và phải đối đầu với một lực lượng mạnh hơn hẳn, nghĩa quân Trại Nái, dù chiến đấu hết sức ngoan cường cũng không thể giữ được trại, phải rút lui vào rừng núi sâu hơn.

Sau thất bại này, Lê Mô Khởi cùng các tướng lĩnh tìm đường lên Tuyên Hóa, người thì theo về với Hàm Nghi, người thì ra Hương Khê gia nhập nghĩa quân của Phan Đình Phùng, người thì về Chóp Bài với Lê Trực. Lê Mô Khởi lần này đã gặp được Hàm Nghi và được nhà vua trao cho chức vụ Tán tương Quân sự.

Giữa năm 1888, ông được Hàm Nghi phái đi liên lạc với nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Hương Khê, tiếp tục ý kiến của Nguyễn Phạm Tuân, tìm cách đưa vua ra Bắc, cụ thể là Thanh Nghệ, nơi quê hương của thủy tổ triều Nguyễn, nơi có nhiều quân tài, vật lực có thể giúp vua chống giặc cứu nước có hiệu quả hơn ở vùng núi phía Tây Tuyên Hóa.

Lặn lội hàng tháng trời giữa rừng sâu, núi ngàn Trường Sơn, Lê Mô Khởi cũng tìm đến được Ngàn Trươi, căn cứ của cụ Phan. Nhưng cụ không có nhà. Cụ đang đi kinh lý một số quân thứ Cần Vương đặt dưới quyền chỉ đạo của cụ, nên ông phải chờ khá lâu.

Cho đến khi Lê Mô Khởi trở về đến Thanh Lạng thì mọi việc đã đảo lộn cả cuộc đời ông.

Vừa đặt chân đến bờ sông, đang tìm cách vượt sông thì bỗng nghe tiếng hò từ xa vọng lại:

“Trái đào non rót ngoài vườn hạnh  
Chàng ơi chàng định liệu “mần rãng”...”

Mấy tháng trước, ông cũng từng nghe một cô gái chẵn trâu hát vậy. Cô ta đã giúp ông sang sông bằng cách ngồi trên lưng trâu của cô. Ông chợt vui mừng, mong gặp lại cô gái đạo nọ. Quả nhiên, người quen xuất hiện. Ông liền đề nghị:

- Hôm nay chú lại gặp may rồi. Cháu cho chú sang sông với được không? À mà trâu của cháu đâu rồi?

- Dạ thưa ông, hôm nay cháu không về nhà mà ở lại chẵn rẫy, về bên làng sợ lắm.

- Vì sao?

- Dạ thưa ông, hôm qua người Tây họ bắt được vua đem từ đồn Đồng Ca về đây. Lính họ giết người, cướp của, đốt nhà và bắt con gái nhiều lắm. Cháu sợ phải trốn lên nương. Cả làng cũng vậy.

Như sét đánh vào đầu, ông choáng váng gần như đổ sập xuống. Trời đất quay cuồng, cảnh vật đổ nhào trước mắt ông. Ông lịm đi không biết nói gì nữa. Trời bắt đầu tối, cô gái chẵn trâu cũng bỏ đi từ bao giờ.

Người ta không biết ông ngồi lại khúc sông Thanh Lạng này bao lâu nữa... Cuối cùng rồi Lê Mô Khởi cũng lần hồi về đến nơi vua Hàm Nghi bị bắt. Còn lại gì nơi đây? Một đồng tro tàn! Một vũng máu chưa khô! Trước cảnh nào lòng này, Lê Mô Khởi tiến đến một góc cây hạnh gần đó, một cây vàng tâm, bóc mấy lớp vỏ ngoài, khắc vào mấy lời tâm sự như ngỏ với hồn cây ngọn cỏ, như nguyền với núi cao rừng rậm rặng:

“... Ta là Lê Tuấn. Trời sinh ta trong thời loạn, làm tôi một đấng quân

vương giang hồ. Ta vút bút, cầm gươm, nhắm non xanh mà đi vào, thờ vua trong một túp lều con xiêu vẹo.

Than ôi! Vận nước còn suy. Cơ trời chưa sáng. Vua tôi ta đêm nằm ngoài sương ngậm tuyết, kết cục vẫn giam hãm trong vòng thất bại (...). Ta nguyện đi theo con đường cứu nước của đảng quân vương, dù có chết mòn nơi rừng xanh núi đỏ cũng cam lòng...”<sup>2</sup>

Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương cứu nước hầu hết bị tan rã. Không phải người Pháp đánh thẳng họ mà có lẽ vì phong trào đã mất ngọn cờ chính nghĩa, mặc dù triều Nguyễn vẫn còn vua quan nhưng nhà nước phong kiến đã mất chủ quyền. Đất nước bước vào con đường nô lệ, và dĩ nhiên, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc sẽ chuyển cờ lãnh đạo sang tay nhân dân, vai trò Cần Vương cứu nước hết nhiệm vụ lịch sử.

Những cố gắng cuối cùng của Lê Mô Khởi là quy tập những nghĩa quân còn lại, phối hợp với người miền thượng, vào sâu hơn nữa tận vùng rừng núi biên giới Lào - Việt, lập căn cứ, chờ thời cơ nổi dậy. Rốt cuộc, điều đó cũng chỉ nuôi được cái chí, giữ được cái danh tiết với hậu thế mà không thể toại nguyện được. Nó cũng giống như ở Quảng Ninh, Lệ Thủy, những tàn quân của Đề Ân, Đề Chít, Hoàng Phúc đem nhau vào Trường Sơn lập trại, chờ thời, rồi cuối cùng cũng không chiến thắng được bệnh sốt rét rừng nơi sơn lâm cùng cốc.

Có một giai thoại kể rằng, năm ông 60 tuổi, sức đã tàn, lực đã kiệt do lam chướng lâu ngày thì “con voi già của vua Hàm Nghi”<sup>3</sup> đã cõng ông về tận quê hương mình. Xong nhiệm vụ, nó lại trở vào rừng núi tiếp tục cuộc đời tự do của nó ở chốn rừng xanh.

Trong giờ lâm chung, ông chỉ kịp trao lại cho con cháu thanh kiếm suốt đời ông đeo bên mình với mấy lời dặn: “Con cháu ta chớ làm điều gì xấu đến truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ”.

Cuộc đời của ông như thế đó, vậy mà, sau khi ông mất, một sổ sử sách của triều Nguyễn đã chép rằng: “Cho Thị độc sung Sử quán Biên tu là Lê Mô Khởi, nguyên Hồng Lô tự thiếu khanh, Tá lý bộ Lại bị giáng chức, tạm được hàm trước. Cho đem tờ dụ lần lượt tới sơn phần từ Quảng Bình trở ra Bắc, thăm dò đích thực tin tức vua Hàm Nghi. Tùy cơ làm việc cho ổn thoả”<sup>4</sup>.

Họ làm như vua Đồng Khánh đã nắm được quyền điều khiển Lê Mô Khởi trong tay, nay sai đi công cán cho vua không bằng. Có ai đối chiếu được thời gian mà Đồng Khánh xuống tờ dụ này chính là thời gian ông Lê Mô Khởi đang là Tán tương Quân vụ dưới quyền của chính vua Hàm Nghi.

Và cũng chính thời gian này thì vợ Lê Mô Khởi, bà Nguyễn Thị Luyến, bị giặc bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ suốt mấy năm trời.

Có lẽ, thời đại ngày nay, với hai sự kiện tuy nhỏ nhoi này cũng đủ biết rằng,

thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, người Pháp cứ bảo rằng Lê Mô Khởi về đầu hàng họ là có hay không có sự thật.

Mặt khác, cũng chắc chắn rằng, nhân dân làng Cao Lao Hạ đã kiên cường nói thẳng trước mặt quân thù rằng Lê Mô Khởi trước sau vẫn là một người yêu nước, không bao giờ đầu hàng, một chiến sĩ của phong trào Cần Vương anh dũng, bất khuất bằng cách lập đền thờ ông ngay tại quê hương mình với sự tôn kính tuyệt đối và xem ông như “Bổn thổ thành hoàng”.

Một “Bổn thổ thành hoàng” được nhân dân hương khói tôn thờ suốt đời, lại là người đầu hàng dưới con mắt và ngòi bút của kẻ cướp nước cũng đủ phân chia ranh giới giữa nhân dân với quân xâm lược quá rõ ràng, tưởng không cần phải nhiều lời bình luận.

Ông nội Lê Mô Khởi là Lê Văn Trung, Cử nhân. Ông bố là Lê Văn Giản, Cử nhân, giữ chức Tri huyện, nhưng không ưa triều đình bán nước nên bỏ về. Tán tương quân vụ Lê Mô Khởi có đến ba bà vợ, bà nào cũng có hai con trai nên phát đing rất mạnh.

Ông Lê Văn Lâu 85 tuổi gọi Lê Mô Khởi là cố nội hiện thừa kế và giữ từ đường đã tái tạo trên nền đất cũ. Trong nhà thờ có đôi câu đối: Ân Tiên Tô Lưu Truyền Đức Độ - Đạo Tự Tôn Kế Nghiệp Gia Phong.

Lăng mộ Lê Mô Khởi xây dựng bề thế trên núi Oản, đặt hướng Đông Nam, phía trước “đạp” hồ Vực Sanh, phía đầu “gối” núi Chóp Cờ trong hệ thống dãy núi Lệ Đệ tập luyện của nghĩa quân xưa nên rất ý nghĩa và phong cảnh, phong thủy thì thật tuyệt vời!

**Ghi chú:** Tiêu đề bài viết dựa theo sách “Lê Mô Khởi - Danh tướng thời Cần Vương” của Lê Văn Sơn, Nxb Thuận Hóa, Huế 2002.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Trích từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX*, Nxb Văn học, Hà Nội 1976, tr.512-522.
2. Lê Văn Sơn, Sđd.
3. Lưu Trọng Lư cũng viết một cuốn sách về vua Hàm Nghi, lấy tên “*Con voi già của vua Hàm Nghi*” làm tên sách. Sách được xuất bản năm 1936. Hiện nay chúng tôi vẫn chưa tìm ra được bản gốc.
4. Dụ của Đồng Khánh, trích từ *Đại Nam thực lục*, tập 38, sách dịch, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, tr.13.